

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến giai đoạn 2021 - 2025

PHẦN I:

Đánh giá nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020

I. Tình hình phân bổ:

1. Tình hình phân bổ chung:

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 40) ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 (Nghị quyết số 16) quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 16; Hội đồng nhân dân tỉnh đã phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển cân đối theo tiêu chí kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh là **1.986,306 tỷ đồng**, bằng 100% tổng vốn được Trung ương giao; trong đó: dự phòng (10%) là 198,631 tỷ đồng¹ và phân bổ cho tiết (90%) là 1.787,675 tỷ đồng².

Căn cứ các Quyết định của Trung ương giao vốn cân đối ngân sách địa phương hàng năm; Hội đồng nhân dân tỉnh đã phân bổ chi tiết hàng năm ngân sách cân đối theo tiêu chí trong giai đoạn 2016 - 2020 với tổng vốn là **1.917,82 tỷ đồng**³, bằng 96,6% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được giao; trong đó:

¹ Tại Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch sử dụng phân bổ vốn dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

² Tại Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương

³ Tại các Nghị quyết phân bổ vốn hàng năm của HĐND tỉnh, cụ thể: số 26/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015; số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016; số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017; số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018; số 35/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019.

+ Phân bổ chi tiết (90%) là 1.787,675 tỷ đồng, bằng 100% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được giao và chiếm 93,2% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được phân bổ.

+ Dự phòng (10%): 130,145 tỷ đồng, bằng 66% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được giao (thiếu 68,486 tỷ đồng) và chiếm 6,8% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được phân bổ;

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

ĐVT: triệu đồng

TT	Các khoản đầu tư	Tổng vốn	Trong đó					Cơ cấu (%)
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
	TỔNG CỘNG	1.917.820	360.100	350.400	396.110	396.110	415.100	
A	DỰ PHÒNG (10%)	130.145					130.145	
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)	1.787.675	360.100	350.400	396.110	396.110	284.955	100
I	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định	446.400	84.000	92.400	90.000	95.000	85.000	25,0
1	Giáo dục đào tạo	389.200	72.000	79.200	79.920	85.189	72.891	21,8
-	Cấp tỉnh	190.676	32.822	35.000	40.206	38.471	44.177	10,7
-	Cấp huyện	198.524	39.178	44.200	39.714	46.718	28.714	11,1
2	Khoa học - công nghệ	57.200	12.000	13.200	10.080	9.811	12.109	3,2
II	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh	470.938	207.785	49.804	71.116	80.000	62.233	26,3
1	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	32.000	32.000					1,8
2	Chi trả vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ	30.000	30.000					1,7
3	Hoàn trả tạm ứng nhân rồi KBNN	100.720	100.720					5,6
4	Thực hiện các CTMT từ TW chuyển về chi từ NSDP	20.721	19.221		500	500	500	1,2
5	Ưu đãi đầu tư	8.000	2.000		2.000	2.000	2.000	0,4

6	Đối ứng các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 thực hiện từ nguồn vốn NSTW, XSKT, Chương trình MTQG	1.925	1.925					0,1
7	Đối ứng các dự án ODA thuộc trách nhiệm NSDP	277.572	21.919	49.804	68.616	77.500	59.733	15,5
III	Cân đối theo tiêu chí	870.337	68.315	208.196	234.994	221.110	137.722	48,7
1	Tỉnh quản lý (60%)	522.203	40.989	124.918	140.996	132.666	82.634	29,2
2	Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý (40%)	348.134	27.326	83.278	93.998	88.444	55.088	19,5

2. Tình hình phân bổ lĩnh vực Quốc hội quy định:

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí đầu tư cho các lĩnh vực Quốc hội quy định trong giai đoạn 2016 - 2020 là 446.400 triệu đồng, chiếm 25% tổng vốn của giai đoạn được phân bổ; trong đó: giáo dục - đào tạo 389.200 triệu đồng, chiếm 21,8% tổng vốn và khoa học - công nghệ 57.200 triệu đồng, chiếm 3,2% tổng vốn.

Lĩnh vực giáo dục đào tạo: phân bổ cho các công trình do cấp tỉnh quản lý 190.676 triệu đồng, chiếm 49% và hỗ trợ cho cấp huyện 198.524 triệu đồng, chiếm 51%. Cụ thể:

+ Phân bổ 16.366 triệu đồng, chiếm 4,2% tổng vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành.

+ Phân bổ 44.769 triệu đồng, chiếm 11,5% tổng vốn để đầu tư hoàn thành các công trình giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020.

+ Phân bổ 7.850 triệu đồng, chiếm 2% tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực hỗ trợ các huyện thực hiện Chương trình màn non đạt chuẩn.

+ Phân bổ 320.215 triệu đồng, chiếm 82,3% tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực để khởi công mới các công trình, dự án, đến nay phần lớn đã hoàn thành.

Lĩnh vực khoa học công nghệ: đã thực hiện phân bổ 10.000 triệu đồng, chiếm 17,5% tổng vốn để đầu tư hoàn thành các công trình thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015 dở dang chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020 và phân bổ 47.200 triệu đồng, chiếm 82,5% tổng vốn để khởi công mới một số công trình.

3. Tình hình phân bổ cho các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GDĐT và KHCN):

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí hoàn trả các khoản vay và tạm ứng là 162.720 triệu đồng⁴, chiếm 9,1% tổng vốn của giai đoạn được phân bổ nhằm giảm bớt sức ép trong cân đối ngân sách và xử lý dứt điểm các khoản địa phương vay, tạm ứng trung ương;

Bên cạnh đó giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ chuyển một số nhiệm vụ trước đây do ngân sách Trung ương trực tiếp hỗ trợ về đề tỉnh chủ động sắp xếp, bố trí, thực hiện từ nguồn cân đối ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu Trung ương chuyển về trong giai đoạn 2016 - 2020 là 20.721 triệu đồng, chiếm 1,2% tổng vốn của giai đoạn; cụ thể:

+ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2016 - 2020 là 6.306 triệu đồng.

+ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số được chuyển về chi nhân sách địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020 đã bố trí 5.874 triệu đồng thực hiện cho 03 dự án định canh, định cư.

+ Hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở, phòng, tránh bão, lũ khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 2.858 triệu đồng cho 08 huyện, thị thực hiện hoàn thành theo đề án của Trung ương

+ Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Lào: giai đoạn 2016 - 2020 đã bố trí 1.648 triệu đồng thực hiện đầu tư hoàn thành các tuyến đường giao thông đến các thôn hoặc liên thôn thuộc các xã trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào của tỉnh Quảng Trị.

+ Đề án hỗ trợ nhà ở đối với huyện nghèo theo chuẩn nghèo 2011 - 2015: 2.035 triệu đồng.

+ Chương trình xây dựng trung tâm kiểm định theo Đề án 1511/QĐ-TTg ngày 12/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ: đã bố trí 2.000 triệu đồng thực hiện đầu tư Phòng LAS-XD tại Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng tỉnh Quảng Trị.

4. Tình hình phân bổ đối ứng các dự án ODA thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương:

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí đối ứng các dự án ODA thuộc trách nhiệm của địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020 là 277.572 triệu đồng, chiếm 15,5% tổng vốn của giai đoạn.

Giai đoạn 2016 - 2020, việc phân bổ vốn đối ứng cho các dự án ODA đã bố trí hoàn trả đủ vốn ứng trước (nguồn NSTW, NSDP) theo đúng quy định; bố

⁴ Trong đó: (1) Chi trả vốn vay KCHKM>NT 32.000 triệu đồng; (2) Chi trả vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ: 30.000 triệu đồng; (3) Hoàn trả tạm ứng nhân rỗi KBNN: 100.720 triệu đồng.

trí đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành, không phát sinh nợ đọng XDCB; các dự án ODA hoàn thành, chuyển tiếp và khởi công mới được bố trí vốn theo đúng tiến độ thực hiện cam kết với nhà tài trợ, cụ thể:

+ Xét theo tính chất dự án: (1) các dự án ODA hoàn thành là 82.247 triệu đồng, chiếm 29,6% tổng vốn; (2) các dự án ODA chuyển tiếp là 116.553 triệu đồng, chiếm 42% tổng vốn; các dự án ODA khởi công mới là 78.772 triệu đồng, chiếm 28,4% tổng vốn đối ứng giai đoạn 2016 - 2020.

+ Xét theo cơ quan chủ quản: (1) Các dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản là 190.554 triệu đồng, chiếm 68,7% tổng vốn; (2) các dự án Ô là 87.018 triệu đồng, chiếm 31,3% tổng vốn.

Phân bổ vốn đối ứng cho các dự án ODA đã được ký hiệp định vay và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, bao gồm các dự án do UBND tỉnh trực tiếp làm cơ quan chủ quản và các dự án Ô được UBND tỉnh cam kết bố trí vốn đối ứng thực hiện. Phân bổ vốn đối ứng cho các dự án ODA đầu tư phát triển và dự án hỗ trợ kỹ thuật (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại).

Đối với các dự án ODA do Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh làm chủ dự án: ngân sách cân đối theo tiêu chí do tỉnh quản lý bố trí đủ mức vốn đối ứng còn lại sau khi trừ phần ngân sách được Trung ương hỗ trợ đối ứng; Ngân sách tỉnh nguồn hành chính sự nghiệp bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án ODA hoàn toàn có tính chất hành chính sự nghiệp hoặc hợp phần hành chính sự nghiệp trong dự án ODA hỗn hợp, các dự án hỗ trợ kỹ thuật.

Đối với các dự án ODA do UBND cấp huyện làm chủ dự án: UBND cấp huyện chịu trách nhiệm cân đối nguồn ngân sách được phân cấp để bố trí đủ mức vốn đối ứng còn lại sau khi trừ phần ngân sách được Trung ương hỗ trợ đối ứng.

Đối với các dự án ODA vay lại một phần vốn vay nước ngoài: Ngân sách tập trung do tỉnh quản lý chịu trách nhiệm bố trí để đối ứng toàn bộ đối với các hạng mục sử dụng vốn vay lại. Đối với phần vốn đối ứng bố trí để thực hiện các hạng mục sử dụng vốn nước ngoài cấp phát, ngân sách tập trung do tỉnh quản lý chịu trách nhiệm cân đối, bố trí theo tỷ lệ, trách nhiệm quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (tỷ lệ 20%).

5. Tình hình phân bổ vốn cân đối theo tiêu chí phân cấp do cấp tỉnh quản lý: Sau khi trừ các khoản vốn phải cân đối theo quy định của HĐND tỉnh, phần còn lại 870,337 tỷ đồng được thực hiện cân đối theo tiêu chí.

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí phân cấp do cấp tỉnh quản lý trong giai đoạn 2016 - 2020 là 522,203 tỷ đồng, chiếm 29,2% tổng vốn phân bổ và bằng 60% tổng vốn cân đối theo tiêu chí, đảm bảo theo đúng tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 16 của HĐND tỉnh. Số vốn đó được cân đối, bố trí đầu tư cho các ngành, lĩnh vực của địa phương, cụ thể:

TỔNG HỢP VỐN BỐ TRÍ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI CẤP TỈNH QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

DVT: triệu đồng

TT	Ngành, lĩnh vực	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2016-2020	
							Tổng vốn	Cơ cấu (%)
	TỔNG CỘNG	40.989	124.918	140.996	132.666	82.634	522.203	100
1	Chuẩn bị đầu tư	2.000	3.500	1.900	1.800	2.000	11.200	2,1
2	Công trình quyết toán	8.698	9.468	8.973	7.790	4.119	39.048	7,5
3	Nông nghiệp-PTNT	4.593	15.775	7.507	7.625	7.532	43.032	8,2
4	Công nghiệp - Cấp điện - Cấp nước	1.000	7.000	17.400	20.726	7.600	53.726	10,3
5	Thương mại	2.650	8.710	4.000	2.000		17.360	3,3
6	Giao thông	3.460	30.948	54.630	54.070	38.907	182.015	34,9
7	Thông tin - Truyền thông	1.470	2.709	9.000	9.500	8.659	31.338	6,0
8	Văn hóa - Thể thao - Du lịch		6.923	17.000	7.458	4.530	35.911	6,9
9	Y tế - Xã hội	4.450	3.500	0	0	0	7.950	1,5
10	Quản lý Nhà nước	7.568	25.454	15.286	15.413	7.587	71.308	13,7
11	An ninh quốc phòng	5.100	10.931	5.300	3.436	1.700	26.467	5,1
12	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại				2.848		2.848	0,5

Tỉnh đã phân bổ cụ thể theo dự án trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng nguyên tắc quy định tại Mục III - Nghị quyết số 16, cụ thể như sau:

(1) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản: 98.897 triệu đồng, chiếm 18,6% tổng vốn; đã xử lý dứt điểm các khoản nợ đọng XD CB trước ngày 01/01/2015 thuộc trách nhiệm xử lý từ ngân sách địa phương⁵;

⁵ Một số công trình có nợ đọng XD CB lớn như: Cầu An Mô; Đường tránh lũ, cứu hộ và PTKT phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, đoạn từ thượng lưu cầu Thạch Hãn đến đập Trám; Kè chống xói lở, chỉnh trị dòng chảy, tích nước thôn Thượng Lâm, đường ứng cứu hai bờ sông huyện Cam Lộ (giai đoạn I);

(2) Quyết toán công trình: 39.048 triệu đồng, chiếm 7,5% tổng vốn; bố trí cho các công trình được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

(3) Vốn chuẩn bị đầu tư: 11.200 triệu đồng, chiếm 2,1% tổng vốn; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án được đầu tư từ nhiều nguồn vốn và nhiều cấp quản lý;

(4) Các công trình chuyển tiếp: 142.204 triệu đồng, chiếm 27,2% tổng vốn đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015 dở dang, chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020⁶;

(5) Đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương cho các công trình, dự án được đầu tư ngân sách Trung ương trong giai đoạn 2011 - 2015: 35.211 triệu đồng, chiếm 6,7% tổng vốn⁷;

(6) Khởi công mới giai đoạn 2017 - 2020: 197.643 triệu đồng, chiếm 37,8% tổng vốn⁸.

6. Tình hình phân bổ vốn cân đối theo tiêu chí phân cấp do cấp huyện quản lý:

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí (phần 90%) bố trí phân cấp do cấp huyện quản lý trong giai đoạn 2016 - 2020 là 348,134 tỷ đồng, chiếm 19,5% tổng vốn phân bổ và bằng 40% tổng vốn cân đối theo tiêu chí, đảm bảo theo đúng tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 16 của HĐND tỉnh, cụ thể:

TỔNG HỢP VỐN BỐ TRÍ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2017-2020

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Điểm phân cấp tại NQ 16		Vốn phân cấp 2017-2020	
		Số điểm	Tỷ lệ (%)	Tổng vốn (triệu đồng)	Cơ cấu (%)
	TỔNG SỐ	491,80	100,0	320.808	100,0
1	Thành phố Đông Hà	95,10	19,34	62.035	19,34

⁶ Đường Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Đông Hà; Xây dựng Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh; Nhà văn hóa Trung tâm Thành phố Đông Hà; Nhà khách đón tiếp, phục vụ thân nhân liệt sỹ, đồng đội đi tìm hài cốt liệt sỹ, thăm lại chiến trường; Trụ sở xã Triệu Ái; Trụ sở xã Mô Ó;

⁷ Dự án nuôi trồng thủy sản hồ nước trung tâm huyện Gio Linh; Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia; Đường từ thôn Vĩnh Lại xã Triệu Phước đi Triệu An; Đường Phú Lễ, huyện Hải Lăng; Đường từ thị xã Quảng Trị đến chợ Cạn xã Triệu Sơn; Tuyến đường phía Bắc khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu DV-DL dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt (giai đoạn 2); Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân kiều và Pa Kô; Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân;

⁸ Xử lý sạt lở khẩn cấp bờ sông Hiếu thuộc địa bàn phường Đông Giang; Cơ sở hạ tầng kỹ thuật CCN Krông Klang; Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà; Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ; Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông; Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị; Trung tâm truyền hình kỹ thuật số và một số hạng mục phụ trợ Đài PT-TH tỉnh; Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện Cam Lộ;.....

2	Thị xã Quảng Trị	41,10	8,36	26.811	8,36
3	Huyện Hải Lăng	47,40	9,64	30.919	9,64
4	Huyện Triệu Phong	45,60	9,27	29.746	9,27
5	Huyện Gio Linh	44,40	9,03	28.962	9,03
6	Huyện Vĩnh Linh	49,70	10,11	32.420	10,11
7	Huyện Cam Lộ	25,00	5,08	16.308	5,08
8	Huyện Đakrông	66,90	13,60	43.639	13,60
9	Huyện Hướng Hóa	66,60	13,54	43.445	13,54
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	10,00	2,03	6.523	2,03

7. Tình hình phân bổ vốn dự phòng ngân sách địa phương: được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 với tổng số vốn 198.631 triệu đồng.

Kế hoạch dự phòng được tỉnh sử dụng đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí: (1) Ưu tiên bố trí cho các công trình, dự án phục vụ nhiệm vụ chung của toàn tỉnh (quyết toán các công trình hoàn thành, lập quy hoạch tỉnh, phần mềm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,...); (2) Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA phát sinh; (3) Cân đối đủ vốn để hoàn thành theo tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc theo số vốn tỉnh đã cam kết hỗ trợ đối với một số dự án cấp thiết nhưng chưa cân đối đủ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; (4) Bố trí vốn để thực hiện một số dự án khởi công mới nằm trong danh mục kèm các Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phê duyệt và chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn Ngân sách địa phương; Các công trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương đã có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và kiến nghị, đề xuất của các Ngành, địa phương.

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, danh mục, mức vốn dự phòng được HĐND tỉnh quy định; kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương được Trung ương giao hàng năm và khả năng thực hiện của các công trình, dự án; tỉnh đã triển khai thực hiện phân bổ kế hoạch sử dụng vốn dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch 2020 với tổng số vốn 130,145 tỷ đồng, bằng 66% tổng vốn được HĐND tỉnh giao (thiếu 68,486 tỷ đồng) và chiếm 6,8% tổng vốn giai đoạn 2016 - 2020 được phân bổ, cụ thể: (1) Thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm chung của toàn tỉnh là 29.500 triệu đồng, đạt 94% kế hoạch giao; (2) Đối ứng các dự án ODA phát sinh là 49.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch giao; (3) Hoàn thành một số hạng mục cấp bách của một số dự án dở dang; Cân đối đủ vốn để hoàn thành theo tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc theo số vốn tỉnh đã cam kết hỗ trợ đối với một số dự án cấp thiết nhưng chưa cân đối đủ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 là 22.023 triệu đồng, đạt 55% kế hoạch giao; (4) Các công trình, dự án cấp bách, có chủ trương của lãnh đạo tỉnh là 14.068 triệu đồng, đạt 28% kế hoạch được giao.

II. Đánh giá Nghị quyết số 16 trong quá trình phân bổ vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí:

1. Kết quả đạt được:

Việc phân bổ vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí trong giai đoạn 2016 - 2020 đã được tỉnh quan tâm tập trung ưu tiên bố trí vốn thanh toán hết các khoản vốn vay, tạm ứng nhân rỗi KBNN, tạm ứng ngân sách địa phương và đặc biệt đã xử lý dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản kéo dài từ nhiều năm trước góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư công.

Quá trình phân bổ vốn cho lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và phân cấp cho cấp tỉnh, cấp huyện quản lý đảm bảo đúng theo tỷ lệ quy định của Trung ương và Nghị quyết số 16.

Đối với phần vốn phân cấp do cấp tỉnh quản lý (phần 60%) được tỉnh bố trí thực hiện các nhiệm vụ, ngành, lĩnh vực đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 16.

Việc xây dựng và áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí, tỷ lệ bố trí vốn đối ứng ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu, tiến độ của các chương trình, dự án ODA đã được phê duyệt, ký kết hiệp định.

Tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý vốn ODA, đồng thời giao trách nhiệm giải phóng mặt bằng cho các địa phương hưởng lợi nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án ODA. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đối ứng cho các dự án ODA, trong quá trình tổ chức thực hiện tỉnh đã tích cực rà soát điều chỉnh, bổ sung kịp thời vốn đối ứng, vốn ODA cho các dự án có tiến độ thực hiện và giải ngân tốt, đồng thời thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn hợp pháp bố trí đối ứng theo qui định nhằm sử dụng tối đa nguồn vốn ODA đã ký kết.

2. Tồn tại, hạn chế:

Do nhu cầu đầu tư cho các ngành, lĩnh vực khá lớn, trong khi điều kiện nguồn vốn còn nhiều khó khăn, nhiều khoản chi bắt buộc phải thực hiện trước khi đưa vào cân đối nên việc bố trí vốn vẫn còn xảy ra tình trạng dàn trải; chưa đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo đúng quy định.

Một số Đề án, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh chưa bảo đảm theo hạn mức quy định như: Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai; Thích ứng với biến đổi khí hậu...

Kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 được Trung ương phân bổ hàng năm còn thiếu 68.486 triệu đồng so với kế hoạch giao nên một số dự án không đảm bảo số vốn hay không triển khai được theo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao.

Nhằm giảm áp lực cân đối ngân sách và hỗ trợ các địa phương thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; phần vốn ngân sách phân cấp tỉnh quản lý đã hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã đầu tư một số chương trình, dự án cấp thiết, cấp bách và cơ bản đảm bảo cân đối tương quan giữa các địa phương. Tuy nhiên, việc tỉnh thực hiện hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các địa phương nên khó có thể đảm bảo cân đối giữa các ngành, lĩnh vực trong tổng thể nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.

Căn cứ quy định tại điểm a, mục 4, Điều 3 Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020⁹; tại điểm 5 Mục IV Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 19/08/2016 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tập trung cho cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020 quy định tiêu chí bổ sung phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách giai đoạn 2017- 2020 cho các huyện "*Thành phố Đông Hà: 30 điểm; thị xã Quảng Trị: 20 điểm; huyện Đakrông: 20 điểm*". Tuy nhiên, Đoàn Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện thanh tra tại Sở Kế hoạch và Đầu tư vào năm 2019 đã nhận xét HĐND tỉnh Quảng Trị quy định tiêu chí bổ sung tính điểm phân bổ vốn đầu tư chưa phù hợp với tiêu chí bổ sung đã được Thủ tướng Chính phủ quy định¹⁰.

Chính sách sử dụng vốn ODA của Chính phủ thay đổi làm ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các dự án. Theo đó, Chính phủ không cho phép sử dụng vốn ODA để chi trả cho các hoạt động giải phóng mặt bằng, tái định cư, quản lý dự án, đào tạo nâng cao năng lực, thuê... do đó đã làm thay đổi cơ cấu vốn đầu tư (tăng vốn đối ứng, giảm vốn nước ngoài), thiếu nguồn cân đối, bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA. Các dự án phải mất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện.

Một số dự án ODA phát sinh chi phí giải phóng mặt bằng trong quá trình thực hiện và phần phát sinh thuộc nhiệm vụ cân đối, bố trí của ngân sách địa phương. Trong điều kiện ngân sách rất khó khăn, không thể cân đối, bố trí kịp thời theo nhu cầu của dự án dẫn đến tiến độ giải phóng mặt bằng bị chậm trễ. Bên cạnh đó, hạng mục giải phóng mặt bằng của một số dự án do UBND các huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn từ nguồn ngân sách được phân cấp để triển khai nhưng do điều kiện địa phương khó khăn, không thể cân đối để bố trí cho dự án đã làm ảnh hưởng đến tiến độ trao thầu và triển khai thi công.

Trong quá trình vận động các dự án ODA, do yêu cầu gấp rút về mặt thời gian để hoàn thành hồ sơ thủ tục theo quy định của Chính phủ và Nhà tài trợ,

⁹ UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định này; khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

¹⁰ Điểm 5 Khoản 2 Mục IV Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, theo đó quy định tiêu chí bổ sung phân bổ vốn đầu tư nguồn cân đối ngân sách địa phương "*Các tiêu chí bổ sung, bao gồm: (-) Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử); (-) Tiêu chí các xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia*".

phương án vay trả nợ của một số dự án có vay lại nguồn vốn ODA không thể xác định cụ thể từng nguồn vốn trả nợ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 phương án vay, trả nợ dự án ODA đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Từ năm 2020, tỉnh Quảng Trị bắt đầu thực hiện trả nợ vay, lãi cho các dự án ODA nên việc cân đối ngân sách để trả nợ gốc và lãi cho các dự án ODA đặt ra áp lực lớn cho tỉnh trong thời gian tới.

PHẦN II:

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025

I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 (không bao gồm vốn thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và các nguồn thu hợp pháp khác).

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

II. Căn cứ xây dựng:

1. Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14 ngày 13/6/2019, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTNQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

3. Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTNQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

4. Việc phân bổ vốn đầu tư phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; các Quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

III. Nguyên tắc chung:

1. Việc phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương và đảm bảo tính hợp lý, tương đối giữa các ngành, lĩnh vực, ưu tiên các ngành kinh tế trọng điểm, có tính lan tỏa, các lĩnh vực không có khả năng hoàn vốn trực tiếp và chỉ được đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn đầu tư công;

3. Lồng ghép thực hiện các Đề án, chính sách đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; Chương trình, Đề án, Kế hoạch, Thông báo kết luận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính trung hạn, đảm bảo các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các địa phương, các địa bàn kinh tế trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hải đảo và các vùng khó khăn để hướng tới mục tiêu phát triển đồng đều giữa các vùng, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

7. Bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng;

8. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

9. Bố trí vốn cho các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

10. Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách địa phương theo quy định (nếu có);

b) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

c) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

đ) Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công.

IV. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025:

1. Dự phòng chung: Căn cứ quy định tại Khoản 6, Điều 51 của Luật Đầu tư công “*Hội đồng nhân dân các cấp sẽ quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý*”.

a) Dự phòng 10% tổng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

b) Phần vốn dự phòng do tỉnh quản lý chung; Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ quyết định việc sử dụng và thời điểm sử dụng dự phòng chung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định:

Bố trí vốn cho lĩnh vực giáo dục đào tạo tối thiểu 20% theo đúng quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và khoa học công nghệ từ 2% trở lên theo đúng quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo phân bổ theo cấp quản lý (phần vốn phân cấp cho huyện được áp dụng quy định “tiêu chí phân bổ vốn phân cấp cho cấp huyện quản lý” để phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện đảo Côn Cỏ).

3. Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh:

a) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch;

b) Phân bổ đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; trong đó:

+ Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA đầu tư phát triển và dự án hỗ trợ kỹ thuật (bao gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại) do các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh làm chủ dự án. Đối với các dự án ODA do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ dự án giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cân đối nguồn ngân sách được phân cấp quản lý để bố trí đủ mức vốn đối ứng còn lại sau khi trừ phần ngân sách được Trung ương hỗ trợ đối ứng. Đối với các dự án ODA do tư nhân vay lại và làm chủ dự án giao Chủ dự án tự cân đối bố trí vốn đối ứng, trả nợ vay ODA.

+ Đảm bảo đủ mức vốn đối ứng thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương sau khi trừ phần ngân sách Trung ương hỗ trợ đối ứng cho dự án trong giai đoạn 2021 - 2025 và theo Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đảm bảo đủ vốn đối ứng các dự án Ô được Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết thực hiện;

+ Đảm bảo đủ vốn đối ứng đối với các hạng mục sử dụng vốn vay lại nước ngoài thông qua hợp đồng vay lại và bố trí đủ theo tỷ lệ quy định đối với các hạng mục sử dụng vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách Trung ương;

+ Bố trí một phần vốn ngân sách cân đối theo tiêu chí để trả nợ các khoản vay lại theo quy định.

c) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư của nhà nước thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

d) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Lồng ghép thực hiện các Đề án, chính sách đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; Chương trình, Đề án, Kế hoạch, Thông báo kết luận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Đầu tư theo phân cấp quản lý:

Sau khi thực hiện dự phòng chung và đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh, phần còn lại thực hiện đầu tư phân cấp quản lý theo tỷ lệ: cấp tỉnh quản lý 60% và cấp huyện quản lý 40%.

V. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn phân cấp:

1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có); các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

b) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án và các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư khác của tỉnh;

c) Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025; thu hồi vốn ứng trước ngân sách địa phương thuộc trách nhiệm chi từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí.

d) Đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng thuộc trách nhiệm ngân sách địa phương của các công trình, dự án được Trung ương đầu tư (đối với cấp tỉnh) và được Trung ương, tỉnh đầu tư (đối với cấp huyện) theo quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí phân bổ vốn phân cấp do cấp huyện quản lý:

- Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số.
- Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm: tỷ lệ hộ nghèo; số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất) và tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố.
- Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng.
- Tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm: số đơn vị hành chính cấp xã hoặc huyện đảo Côn Cỏ; số xã miền núi; xã vùng cao, bãi ngang; xã biên giới đất liền.
- Tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30^a của Chính phủ; Thành phố Đông Hà (tiếp tục thực hiện hiện Nghị quyết 06/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh về xây dựng phát triển, đưa thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II đến năm 2020).

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

3.1. Tiêu chí dân số: Cách tính cụ thể như sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Dân số trung bình	Điểm
Đến 30.000 người được tính	10,0
Từ trên 30.000 người đến 60.000 người, từ 0 đến 30.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10.000 người được tính	2,0
Từ trên 60.000 người đến 120.000 người, từ 0 đến 60.000 người được tính 15 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10.000 người được tính	1,0
Từ trên 120.000 người, từ 0 đến 120.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 10.000 người được tính	0,5

Dân số trung bình của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Cứ 5.000 người được tính	0,5

Số người dân tộc thiểu số của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019 và theo Báo cáo số 499/UBND-NN ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh.

3.2. Tiêu chí về trình độ phát triển: Cách tính như sau:

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu đầu năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 09/01/2020.

b) Điểm tiêu chí thu nội địa

Thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất)	Điểm
Từ 0 đến 50 tỷ đồng	4,0
Trên 50 tỷ đến 400 tỷ đồng	3,0
Trên 400 tỷ đến 800 tỷ đồng	2,0
Trên 800 tỷ đến 1.000 tỷ đồng	1,0

Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ sử dụng đất) được xác định căn cứ vào số thực hiện năm 2019 do Sở Tài chính cung cấp.

c) Tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Từ 0% đến đến 10% được tính	10,0
Từ trên 10% đến 30% từ 0% đến đến 10% được tính 10 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 2% được tính thêm	0,3
Từ trên 30% đến 50%, từ 0% đến đến 30% được tính 14 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 2% được tính thêm	0,1
Từ trên 50% trở lên, từ 0% đến đến 50% được tính 15 điểm, phần còn lại trở lên cứ tăng thêm 2% được tính thêm	0,05

3.3. Tiêu chí diện tích: Cách tính như sau:

a) Diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 30 km ² được tính	8,0
Từ trên 30 km ² đến 75 km ² , từ 0 km ² đến 30 km ² được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 15 km ² được tính thêm	0,4
Từ trên 75 km ² đến 450 km ² , từ 0 km ² đến 75 km ² được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm 15 km ² được tính thêm	0,2
Trên 450 km ² , từ 0 km ² đến 450 km ² được tính là 15 điểm, phần còn lại, cứ tăng thêm 15 km ² được tính thêm	0,05

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên do Cục Thống kê công bố năm 2019.

b) Tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Đến 10%	0,5
Từ trên 10% đến 50%	1
50% trở lên	2

Tỷ lệ che phủ rừng xác định điểm lấy theo số liệu do Sở NN và PTNT cung cấp năm 2019.

3.4. Tiêu chí đơn vị hành chính:

- Điểm của đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Cứ 1 xã, phường, thị trấn hoặc huyện đảo Côn Cỏ được tính	0,5
Cứ 1 xã miền núi được tính	0,2
Cứ 1 xã vùng cao, bãi ngang được tính	0,2
Cứ 1 xã biên giới đất liền được tính	0,3

Số liệu đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nội vụ cung cấp cuối năm 2019.

3.5. Tiêu chí bổ sung:

Địa phương	Điểm
Huyện Đakrông (huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ)	5,0
Thành phố Đông Hà	15

4. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các huyện:

4.1. Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố, thị xã và tổng số điểm 10 huyện, thành phố, thị xã để làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

a. Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của dân số trung bình huyện thứ i là h_i

+ Gọi số điểm của số dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

b. Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là n_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất) huyện thứ i là p_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố thứ i là r_i

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + r_i$$

c. Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là m_i

+ Gọi số điểm của tỷ lệ che phủ rừng là l_i

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = m_i + l_i$$

d. Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã là D_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã huyện thứ i là s_i (huyện đảo Côn Cỏ tương đương đơn vị hành chính cấp xã).

+ Gọi số điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi, huyện thứ i là t_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao, bãi ngang huyện thứ i là u_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền huyện thứ i là v_i

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là D_i :

$$D_i = s_i + t_i + u_i + v_i$$

* Gọi tổng số điểm của huyện thứ i là X_i là:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

* Tổng số điểm của 10 huyện, thị xã, thành phố là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{10} X_i$$

4.2. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh phân cho các huyện (không bao gồm nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất).

- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

4.3. Tổng số vốn trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất) phân cấp cho huyện được tính theo công thức:

- Gọi V_i là số vốn phân cấp cho huyện thứ i :

$$V_i = Z \times X_i$$

PHÂN BÔ VỐN NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI CẤP HUYỆN QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

	Huyện, thành phố, thị xã	GIAI ĐOẠN 2017 - 2020		GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	
		Số điểm theo Nghị quyết 16	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tỷ lệ (%)
	TỔNG SỐ	491,8	100,00	587,46	100,00
1	Thành phố Đông Hà	95,1	19,34	61,50	10,47
2	Thị xã Quảng Trị	41,1	8,36	39,73	6,76
3	Huyện Vĩnh Linh	49,7	10,11	63,98	10,89
4	Huyện Hướng Hóa	66,6	13,54	81,35	13,85
5	Huyện Gio Linh	44,4	9,03	62,81	10,69
6	Huyện Đakrông	66,9	13,60	74,57	12,69
7	Huyện Cam Lộ	25,0	5,08	53,85	9,17
8	Huyện Triệu Phong	45,6	9,27	62,50	10,64
9	Huyện Hải Lăng	47,4	9,64	60,22	10,25
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	10,0	2,03	26,95	4,59



Trên đây là Báo cáo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cần đổi theo tiêu chí gian đoạn 2016 - 2020 và dự kiến giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng